

Số: 106/TB-PHDHLN-TCKT

Đồng Nai, ngày 23 tháng 10 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc chi trả tiền học bổng KKHT cho HSSV hệ Đại học chính quy học kỳ 2 năm học 2022-2023, chi trả tiền hỗ trợ chi phí học tập đợt 2 năm 2023 và chi Trợ cấp xã hội cho sinh viên học kỳ I năm học 2023-2024

Căn cứ Quyết định số 1283/QĐ-PHDHLN-SV ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai về việc chi cấp học bổng KKHT học kỳ 2 năm học 2022-2023 cho sinh viên bậc Đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 1292/QĐ-PHDHLN-SV ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai về việc chi Trợ cấp xã hội cho sinh viên học kỳ I năm học 2023 - 2024;

Căn cứ Quyết định số 1293/QĐ-PHDHLN-SV ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai về việc chi trả tiền hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên là người dân tộc thiểu số đợt 2 năm 2023.

Phòng Tài chính kế toán thông báo tới các sinh viên được hưởng học bổng KKHT, chi phí học tập và trợ cấp xã hội theo các quyết định trên, đến phòng Tài chính kế toán cung cấp thông tin số tài khoản để nhận chế độ chính sách theo quy định (Yêu cầu: Sinh viên cung cấp tài khoản chính chủ và đã kích hoạt giao dịch được. Gặp cô Mi – SĐT/Zalo: 0332444778).

Hình thức chi: Chuyển khoản.

Lưu ý: Một số sinh viên đã cung cấp số tài khoản ngân hàng từ học kỳ trước, yêu cầu các em kiểm tra lại thông tin của mình. Sinh viên nào có thay đổi số tài khoản hoặc sai sót thì lên phòng Tài chính kế toán để được cập nhật lại. Trường hợp thông tin do sinh viên cung cấp sai thì sinh viên phải chịu phí chuyển khoản (lần 2), sẽ được trừ vào chế độ chi trả của sinh viên (Danh sách sinh viên đã có thông tin tài khoản kèm theo).

Đề nghị các Khoa chuyên môn, GVCN/Cố vấn học tập các lớp thông báo đến sinh viên của lớp mình để thực hiện.

Rất mong được sự phối hợp của các đơn vị.

Nơi nhận:

- Khoa chuyên môn;
- Website PH;
- Lưu: VT, TCKT.

TL. GIÁM ĐỐC
TP. TÀI CHÍNH KẾ TOÁN



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG TRONG HK2_ NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Thông báo số: 106/TB-PHĐHLN-TCKT ngày 13 tháng 10 năm 2023
của Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai)

STT	TT	Mã số	Họ và Tên	Lớp	Số tiền	Số tài khoản	Ngân hàng
	A	HỌC BỔNG XUẤT SẮC			174.500.000		
	I	Khoa CN&KT			13.700.000		
1	1	207549001001	Ngô Nguyễn Phát Đạt	K65_CBLS	6.850.000		
2	2	207580108007	Ba Râu Rẫy	K65_TKNT	6.850.000	4909205021249	Agribank Bắc Ái, Ninh Thuận
	II	Khoa Kinh tế			35.400.000		
3	3	207340301006	Nguyễn Trà Giang	K65_KT	5.900.000		
4	4	207340301012	Nguyễn Thị Thùy Linh	K65_KT	5.900.000		
5	5	217340301013	Nguyễn Thị Thanh Thúy	K66_KT	5.900.000	1026623814	Vietcombank Trảng Bom
6	6	217340101028	Nguyễn Văn Anh	K66_QTKD	5.900.000	23501837	ACB chi nhánh Trảng Bom
7	7	227340301034	Trần Thị Thùy Trang	K67_KT	5.900.000	9924867237	Vietcombank Trảng Bom
8	8	217340301024	Nguyễn Hương Ngọc Trúc	K67_KT	5.900.000	104876945953	ViettinBank thành phố Biên Hoà
	III	Khoa Lâm học			11.800.000		
9	9	227850103032	Nguyễn Thị Thùy Tiên	K67_QLDD	5.900.000	0339512306	MBbank Cù Chi
10	10	227850103037	Hoàng Phan Mỹ Triều	K67_QLDD	5.900.000	9774494969	Vietcombank Trảng Bom
	IV	Khoa Nông học			94.950.000		
11	11	197640101063	Dương Thị Hoàn Trâm	K64A_TY	5.900.000	1018010803	Vietcombank Trảng Bom
12	12	207620112009	Nguyễn Văn Thành	K65_BVTV	6.850.000	5907205291594	Agribank Định Quán
13	13	207640101070	Huỳnh Hữu Hân	K65A_TY	6.850.000		
14	14	207620105002	Nịnh Thị Phúc	K65A_TY	6.850.000	008431758	VIB Trảng Bom



STT	TT	Mã số	Họ và Tên	Tên	Lớp	Số tiền	Số tài khoản	Ngân hàng
15	15	207640101021	Phạm Thế Huy	Huy	K65B_TY	6.850.000		
16	16	207640101038	Trịnh Thị Kim Phụng	Phụng	K65B_TY	6.850.000		
17	17	217640101093	Nguyễn Nhật Hào	Hào	K66A_TY	6.850.000	4400105032003	MBbank chi nhánh Long Khánh
18	18	217640101028	Nguyễn Hữu Lợi	Lợi	K66A_TY	6.850.000	5915205190782	Agribank Thống Nhất
19	19	217640101089	Võ Ngọc Thúy Vi	Vi	K66A_TY	6.850.000	1030481721	Vietcombank Trảng Bom
20	20	217640101014	Nguyễn Anh Hào	Hào	K66B_TY	6.850.000	1020689065	Vietcombank Diên Khánh, Khánh Hòa
21	21	217640101083	Hồ Thụy Kim Ngân	Ngân	K66B_TY	6.850.000	900343488514	VPbank Lagi
22	22	217640101031	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Ngọc	K66B_TY	6.850.000	1013229399	Vietcombank Diên khánh - Khánh Hòa
23	23	227640101008	Trần Hoàng Châu	Châu	K67B_TY	6.850.000		
24	24	227640101068	Trần Gia Huy	Huy	K67B_TY	6.850.000	9926578954	Vietcombank Trảng Bom
	V	Khoa TN&MT				18.650.000		
25	25	207850101004	Trần Công Việt	Việt	K65_QLTN&MT	5.900.000	5493205409899	Agribank Lâm Đồng
26	26	207620211003	Ông Văn Cường	Cường	K65_QLTNR	6.850.000	8186286386	Techcombank Nguyễn Oanh Gò Vấp
27	27	217850101005	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	Trúc	K66_QLTN&MT	5.900.000	1016534912	Vietcombank Trảng Bom
	B	HỌC BỔNG GIỎI				162.600.000		
	I	Khoa CN&KT				12.700.000		
28	1	217580108007	Phạm Tấn Sinh	Sinh	K66_TKNT	6.350.000		
29	2	227580108005	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	Ngân	K67_TKNT	6.350.000		
	II	Khoa Kinh tế				43.200.000		
30	3	207340101014	Nguyễn Thị Hoài My	My	K65_QTKD	5.400.000	5915205170149	Agribank Thống Nhất
31	4	207340101026	Nguyễn Quang Vũ	Vũ	K65_QTKD	5.400.000		
32	5	217850104001	Huỳnh Thị Kim Ly	Ly	K66_QTKD	5.400.000	0871004233223	Vietcombank TP. Long Khánh
33	6	217340101064	Phan Văn Mạnh	Mạnh	K66_QTKD	5.400.000		
34	7	227340301043	Nguyễn Thị Thu Hiền	Hiền	K67_KT	5.400.000		

STT	TT	Mã số	Họ và Tên	Tên	Lớp	Số tiền	Số tài khoản	Ngân hàng
35	8	227340101005	Trần Thanh	Đông	K67_QTKD	5.400.000		
36	9	227340101017	Trần Thị Quỳnh	Nhung	K67_QTKD	5.400.000		
37	10	227340101018	Hoàng Nguyễn Như	Phượng	K67_QTKD	5.400.000		
	III	Khoa Lâm học				33.350.000		
38	11	207850103005	Nguyễn Tuấn	Cường	K65_QLDD	5.400.000		
39	12	207850103022	Hoàng Văn	Tùng	K65_QLDD	5.400.000		
40	13	217850103024	Lê Hoàng Nhã	Trần	K66_QLDD	5.400.000	1021403813	Vietcombank Long Khánh
41	14	227850103057	Phùng Thị Kim	Oanh	K67_QLDD	5.400.000		
42	15	227850103027	Nguyễn Tá	Quang	K67_QLDD	5.400.000	8758619112003	MBbank Thanh Hóa
43	16	227620205003	Đoàn Văn	Hiệu	K67_LS	6.350.000		
	IV	Khoa Nông học				48.900.000		
44	17	197640101030	Lê Hồng	Khánh	K64B_TY	5.400.000		
45	18	197640101048	Võ Trần Yến	Nhi	K64B_TY	5.400.000	0388717278	OCBbank Trảng Bom
46	19	207620110001	Hoàng Văn	Hoài	K65_KHCT	6.350.000		
47	20	217620112003	Nguyễn Trần Đăng	Khoa	K66_BVTV	6.350.000	0871004236792	Vietcombank Long khánh
48	21	227620112001	Đào Công	Danh	K67_BVTV	6.350.000	5411205174013	Agribank Đạ Tẻh
49	22	227640101005	Diệp Nguyễn Duy	Bảo	K67A_TY	6.350.000		
50	23	227640101009	Trần Phạm Quang	Đạt	K67A_TY	6.350.000	64310000172640	BIDV Liên Nghĩa, Đức Trọng, Lâm Đồng
51	24	227640101081	Huỳnh Ngọc	Mai	K67B_TY	6.350.000	0789128426	MBbank Nam Sài Gòn
	V	Khoa TN&MT				24.450.000		
52	25	217620211009	Thái Bá	Quân	K66_QLTNR	6.350.000		
53	26	217620211016	Hồ Ngọc Mỹ	Ty	K66_QLTNR	6.350.000		
54	27	227850101014	Chống Nhật	Quang	K67_QLTN&MT	5.400.000		
55	28	227620211004	Hà Công	Hà	K67_QLTNR	6.350.000	0851005074069	ABbank Bình Dương

STT	TT	Mã số	Họ và Tên	Lớp	Số tiền	Số tài khoản	Ngân hàng
	C	HỌC BỔNG KHÁ			20.550.000		
	I	Khoa Lâm học			14.700.000		
56	1	217850103003	Lê Chí Chung	K66_QLDD	4.900.000	45791472583690	MBbank Trảng Bom
57	2	217850103009	Nguyễn Ngọc Khải	K66_QLDD	4.900.000	58110001464145	BIDV Phú Tài
58	3	217850103021	Trần Thị Thanh Thư	K66_QLDD	4.900.000		
	II	Khoa Nông học			5.850.000		
59	4	217620110004	Trần Huỳnh Như	K66_KHCT	5.850.000		
		Tổng			357.650.000		

(Số tiền bằng chữ : Ba trăm năm mươi bảy triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.)

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP ĐỢT 2 NĂM 2023

(Kèm theo Thông báo số: 106/TB-PHĐHLN-TCKT ngày 23 tháng 10 năm 2023

của Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Tên Lớp	Lương tối thiểu 1.800.000		Thành tiền	Số tài khoản	Ghi chú
					Số tháng	Mức hỗ trợ/tháng (60% LCB)			
	(1)	(2)	(3)	(4)	(7)	(8)	(9) = (7*8)	10	11
A Khoa CN&KT									
1	207580108007	Ba Râu Rẫy	01/01/1999	K65_TKNT	5	1.080.000	5.400.000	4909205021249	Agribank Bắc Ái, Ninh Thuận
2	207580108004	Đa rúi Hà Khương	05/10/2002	K65_TKNT	5	1.080.000	5.400.000	4909205021226	Agribank Bắc Ái, Ninh Thuận
B Khoa Kinh tế									
3	217340301021	Thị Đót	11/10/2003	K66_Kế toán	5	1.080.000	5.400.000	103876921774	Viettinbank Trảng Bom
4	227340301021	H' Len	08/11/2004	K67_Kế toán	5	1.080.000	5.400.000	5306205143931	Agribank Đắk Glong
C Khoa Lâm học									
5	237620205004	K' Zôn	10/03/2005	K68_LS	4	1.080.000	4.320.000		
6	237850103029	K' Thị Ngà	11/08/2005	K68_QLDD	4	1.080.000	4.320.000		
D Khoa Nông học									
7	227640101034	Hồ Thị Bích Loan	24/03/2003	K67A_THUY	5	1.080.000	5.400.000	0337299841	MBbank Quảng Nam
E Khoa TN&MT									
8	207620211029	Điêu Huy	01/12/2002	K65_QLTNR	5	1.080.000	5.400.000	5300205805380	Agribank Tuy Đức, Đắk Nông
9	207850104001	H' Glăng	01/05/2002	K65QLTN&MT	5	1.080.000	5.400.000	5306205116220	Agribank Đắk Glong, Đắk Nông
10	207620211021	K' Vương	16/03/2001	K65_QLTNR	5	1.080.000	5.400.000	5408205283265	Agribank Di Linh, Lâm Đồng
11	207620211012	Ka Rim	16/04/2002	K65_QLTNR	5	1.080.000	5.400.000	5905205529479	Agribank Trảng Bom
12	207620211006	Điêu Hú	14/04/2001	K65_QLTNR	5	1.080.000	5.400.000	108870876053	Viettinbank TP.HCM
13	207620211011	K' Ninh	26/07/2002	K65_QLTNR	5	1.080.000	5.400.000	5408205279268	Agribank Di Linh
14	207620205004	K' Krêm	13/11/2002	K65_QLTNR	5	1.080.000	5.400.000	1017890480	VCB Trảng Bom
15	217620211002	K' Văn Bảy	03/01/2002	K66_QLTNR	5	1.080.000	5.400.000	4803205087691	Agribank Đắk Glong, Đắk Nông



[Handwritten signature]

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Tên Lớp	Lương tối thiểu 1.800.000		Thành tiền	Số tài khoản	Ghi chú
					Số tháng	Mức hỗ trợ/tháng (60% LCB)			
16	227620211002	K' Văn Đăng	26/10/2024	K67_QLTNR	5	1.080.000	5.400.000	67010001612794	BIDV Đồng Nai
17	217620211019	Dong Gur Ha Khuy	28/11/2023	K66_QLTNR	5	1.080.000	5.400.000	0389173029	MBbank Trảng Bom
18	217620211013	K' Văn Tính	28/02/2003	K66_QLTNR	5	1.080.000	5.400.000		
19	237640101095	Hồ Thị Thủy Tiên	16/01/2005	K68_QLTN&MT	4	1.080.000	4.320.000		
20	237850101017	K' Zin	11/01/2004	K68_QLTN&MT	4	1.080.000	4.320.000		
21	237620211022	Điêu Kiệt	17/08/2004	K68_QLTNR	4	1.080.000	4.320.000		
22	237620211029	K' Duy	18/10/2005	K68_QLTNR	4	1.080.000	4.320.000		
Cộng							112.320.000		

(Số tiền bằng chữ: Tám mươi bốn triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng).



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024

(Kèm theo Thông báo số: 06/TB-PHĐHLN-TCKT ngày 23 tháng 10 năm 2023 của
Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên Lớp		Số tháng	Mức TCXH/tháng		Số tài khoản	Ghi chú
							140.000đ	100.000đ		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Khoa CN&KT									
1	207549001003	Hoàng Thị Ngọc	Diễm	K65_CBLS	DTTSITNGUOI_Tày	6	840.000		107875520979	Vietinbank Trảng Bom
2	207580108004	Đa rúi Hà	Khuong	K65_TKNT	DTTSITNGUOI_Churu	6	840.000		4909205021226	Agribank Bác Ái, Ninhthuận
3	207580108007	Ba Râu	Rẫy	K65_TKNT	DTTSITNGUOI_Rglay	6	840.000		4909205021249	Agribank Bác Ái, Ninhthuận
4	227549001002	Hoàng Trung	Tiến	K67_TKNT	DTTSITNGUOI_Tày	6	840.000		1033195952	Vietcombank Trảng Bom
II	Khoa Kinh tế									
5	227340301033	Đinh Nữ Thủy	Tiên	K67_Kế Toán	CONHONGHEO	6		600.000		
6	217340301021	Thị	Đót	K66_Kế Toán	DTTSHONGHEO_Stiếng	6		600.000	103876921774	Viettinbank Trảng Bom
7	227340301021	H'	Len	K67_Kế Toán	DTTSITNGUOI_Mạ	6	840.000		5306205143931	Agribank Đăk Glong
8	237340101015	Trịnh Thúy	Nhung	K68_QTKD	CONHONGHEO	5		500.000		
9	237340101045	Hoàng Thị Phương	Thanh	K68_QTKD	CONMOCOI	5		500.000		
III	Khoa Lâm học									
10	237620211023	K'	Quý	K68_QLTNR	CONDIENKV0_Nộp	5	700.000			
11	237620205004	K'	Zôn	K68_LS	DTTSVCHONGHEO_Coho	5	700.000			
12	237620205003	Bộ Bê Trần Trung	Phi	K68_LS	CONDIENKV0_Coho	5	700.000			
13	237620205002	K'	Nhuân	K68_LS	CONDIENKV0_Coho	5	700.000			
14	227850103020	Trần Huỳnh Triệu	Mẫn	K67_QLDD	DTTSITNGUOI_Choro	6	840.000			
15	207850103013	K'	Linh	K65_QLDD	CONDIENKV0_Cil	6	840.000		109875149949	Viettinbank Trảng Bom
16	237850103029	K' Thị	Ngà	K68_QLDD	DTTSVCHONGHEO_Coho	2	700.000			
IV	Khoa Nông học									
17	207620112007	Trần Huỳnh Hoài	Ninh	K65_BVTV	DTTSITNGUOI	6	840.000			

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên Lớp		Số tháng	Mức TCXH/tháng		Số tài khoản	Ghi chú
							140.000đ	100.000đ		
18	207640101018	Nguyễn Thị Mai	Hương	K65B_THUY	CONMOCOI	6		600.000	1019024412	Vietcombank đông - Đồng Nai
19	207620105002	Nịnh Thị	Phúc	K65A_Thú y	DTTSITNGUOI	6	840.000		008431758	VIB Trảng Bom
20	217640101012	Vi Thị	Giang	K66B_Thú y	DTTSITNGUOI	6	840.000		5035966920	MBbank Bến Tre
21	227420201001	Huỳnh Ngọc Hương	Hoa	K67_BVTV	KHUYET TAT	6		600.000	1026996303	Vietcombank Quảng Ngãi
22	227640101034	Hồ Thị Bích	Loan	K67A_THUY	DTTSVCHONGHEO_GiêTriêng	6	840.000		0337299841	MBbank Quảng Nam
23	227640101063	K' Văn	Vũ	K67B_THUY	DTTSITNGUOI	6	840.000		4810205440832	Agribank Hàm Thuận Bắc, B.Thuận
24	237640101048	Đình Thành	Thùy	K68A_THUY	DTTSITNGUOI	5	700.000			
25	23B640101029	Đỗ Lương	Cường	K68A3_LT_TY_CQ	KHUYET TAT	6		600.000		
V	Khoa TN&MT									
26	217850101011	Lương Thị	Mùi	K66_QLTN&MT	DTTSITNGUOI	6	840.000		107875877961	Vietinbank Trảng Bom
27	207850104001	H'	Glăng	K65_QLTN&MT	DTTSVCHONGHEO_Mạ	6	840.000		5306205116220	Agribank Đắk Glong, Đắk Nông
28	207620211029	Điều	Huy	K65_QLTNR	DTTSVCHONGHEO_Mnông	6	840.000		5300205805380	Agribank Tuy Đức, Đắk Nông
29	207620211023	Điều	Điệp	K65_QLTNR	DTTSITNGUOI_Stiếng	6	840.000		5905205494525	Agribank Trảng Bom
30	207620211009	Điều Văn	Kiệt	K65_QLTNR	DTTSITNGUOI_Stiếng	6	840.000		5617205340815	Agribank Bù Gia Mập, B. Phước
31	207620211016	Điều	Tam	K65_QLTNR	DTTSITNGUOI_Mạ	6	840.000		1018789309	Vietcombank Trảng Bom
32	207620211021	K'	Vương	K65_QLTNR	DTTSITNGUOI_Mạ	6	840.000		5408205283265	Agribank huyện Di Linh, L.Đồng
33	207620211020	K'	Váng	K65_QLTNR	DTTSITNGUOI_Mạ	6	840.000		1018789267	Vietcombank Trảng Bom
34	207620211011	K'	Ninh	K65_QLTNR	DTTSITNGUOI_Nộp	6	840.000		5408205279268	Agribank chi nhánh Di Linh
35	207620211028	K' Si	Si	K65_QLTNR	DTTSITNGUOI_Mạ	6	840.000		5408205306696	Agribank chi nhánh Di Linh
36	207620211012	Ka	Rim	K65_QLTNR	CONDIENKV0_Mạ	6	840.000		5905205529479	Agribank huyện Trảng Bom
37	207620205004	K'	Krêm	K65_QLTNR	DTTSITNGUOI_Mạ	6	840.000		1017890480	VCB Trảng Bom
38	207620211006	Điều	Húu	K65_QLTNR	CONDIENKV0_Stiếng	6	840.000		108870876053	Vietinbank TP.HCM
39	207620205002	K'	Nes	K65_QLTNR	DTTSITNGUOI_Mạ	6	840.000		1017961122	Vietcombank Trảng Bom
40	207620205003	K'	Chúc	K65_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000		0878651281	MBbank Lâm Đồng
41	207620211024	K'	Đào	K65_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000		5495205138054	Agribank Lâm Đồng
42	207620211014	K'	Sim	K65_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000		5495205174688	Agribank Bảo Lâm, Lâm Đồng 2

1/3/1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên Lớp		Số tháng	Mức TCXH/tháng		Số tài khoản	Ghi chú
							140.000đ	100.000đ		
43	207620211025	Tain	Tuyền	K65_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000		1018789278	Vietcombank Đồng Nai
44	217620211002	K' Văn	Bảy	K66_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000		4803205087691	Agribank Đắk Glong, Đắk Nông
45	217620211007	Điêu	Nho	K66_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000		5617205361418	Agribank Bù Gia Mập, Bình Phước
46	217620211017	K' Văn	Vĩ	K66_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000		1031817869	VCB Trảng Bom
47	217620211019	Dong Gur Ha	Khuy	K66_QLTNR	DTTSHOCANGHEO_Cil	6	840.000		0389173029	MBbank Trảng Bom
48	217620211013	K' Văn	Tính	K66_QLTNR	DTTSHOCANGHEO_Cil	6	840.000			
49	227620211006	Điêu	Hoang	K67_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000		0332312086	Mbbank Bù Gia Mập, Bình Phước
50	227620211016	Điêu	Nhàn	K67_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000		65510000917936	BIDV Bình Phước
51	227620211028	Điêu	Tâm	K67_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000		16070203009282	MBbank Bình Phước
52	227620211005	Điêu Đình	Hải	K67_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000		5617205381812	Agribank Bù Gia Mập, Bình Phước
53	227620211011	Điêu	Lích	K67_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000		0363225180	MBbank Bình Phước
54	227620211012	Điêu	Linh	K67_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000		105878549703	Viettinbank Trảng Bom
55	227620211013	Điêu	Lức	K67_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000		5617205376841	Agribank Bình Phước
56	227620211007	Điêu	Huấn	K67_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000		0377745204	MBbank
57	227620211003	Rơ Ông Ha	Đức	K67_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000		104877089259	Viettinbank Trảng Bom
58	227620211021	Điêu	Tiến	K67_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000		0399836231	MBbank Bình Phước
59	227620211020	Điêu	Thương	K67_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000		107877707734	Viettinbank Trảng Bom
60	227620211024	K' Hoàng	Vy	K67_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000		4810205431310	Agribank Bình Thuận
61	227620211030	Lê Quý	Duy	K67_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000			
62	227620211014	K'	Lương	K67_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000			
63	227620211002	K' Văn	Đấng	K67_QLTNR	DTTSITNGUOI_Coho	6	840.000		67010001612794	BIDV Đồng Nai
64	237850101018	Điêu Thị	Chinh	K68_QLTN&MT	DTTSITNGUOI	5	700.000			
65	237850101013	Liêng Jrang Ha	Lực	K68_QLTN&MT	DTTSITNGUOI	5	700.000			
66	237640101095	Hồ Thị Thủy	Tiên	K68_QLTN&MT	DTTSVCHONGHEO_GièTriêng	5	700.000			
67	237850101017	K'	Zin	K68_QLTN&MT	DTTSVCHONGHEO_Coho	5	700.000			
68	237620211004	Điêu	Hiền	K68_QLTNR	DTTSITNGUOI	5	700.000			

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên Lớp		Số tháng	Mức TCXH/tháng		Số tài khoản	Ghi chú
							140.000đ	100.000đ		
69	237620211010	Điêu	Ngúc	K68_QLTNR	DTTSITNGUOI	5	700.000			
70	237620211013	Điêu	Thịnh	K68_QLTNR	DTTSITNGUOI	5	700.000			
71	237620211019	Đa Cát Ha	Hòa	K68_QLTNR	DTTSITNGUOI	5	700.000			
72	237620211012	Điêu	Thi	K68_QLTNR	DTTSITNGUOI	5	700.000			
73	237620211014	Điêu	Tiến	K68_QLTNR	DTTSITNGUOI	5	700.000			
74	237620211022	Điêu	Kiệt	K68_QLTNR	DTTSVCHONGHEO_Mnông	5	700.000			
75	237620211029	K'	Đuy	K68_QLTNR	DTTSVCHONGHEO_Coho	5	700.000			
		Cộng					54.600.000	4.000.000		
		Tổng cộng = cột (7+8)					58.600.000			

(Số tiền bằng chữ: Năm mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng).

